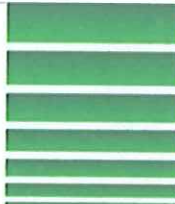


MẪU HỘP 3 VỈ x 10 VIÊN NÉN BAO PHIM
SAGOMESCIN 20

 Số lô SX : Ngày SX : HD : Mã vạch	        	 Prescription only medicine Sagomescin 20 Escin 20mg Box of 3 blisters x 10 film coated tablets  30 Film coated tablets COMPOSITION: Each film coated tablet contains: Escin 20mg Excipients...q.s.f.one film coated tablet STORAGE: Store in a cool and dry place, protect from light, below 30°C. SPECIFICATIONS: Manufacturer's INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND OTHER INFORMATION: READ THE PACKAGE INSERT. KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE ORAL ROUTE	 Prescription only medicine Sagomescin 20 Escin 20mg 30 Film coated tablets
	 Thuốc kê đơn Sagomescin 20 Escin 20mg Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim  30 Viên nén bao phim CÔNG THỨC: Mỗi viên nén bao phim chứa: Escin 20mg Tá dược vơ 1 viên CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: XEM TRONG TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC KÈM THEO. TIÊU CHUẨN: TCCS SDK: ĐẢO QUẢN: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C. ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC KHI DÙNG DÙNG ĐƯỜNG UỐNG Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SÀI GÒN TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG Số 27 VSP, Đường số 6, KCN Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam		

Ngày 20 tháng 10 năm 2023
GIÁM ĐỐC



Bùi Nam Hải

MẪU VỈ x 10 VIÊN NÉN BAO PHIM
SAGOMESCIN 20



Ngày 20 tháng 10 năm 2023
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CƠ PHẦN
DƯỢC PHẨM
NAM PHƯƠNG
H. CHAU THANH A - T. HAU GIANG

Bùi Nam Hải



TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

SAGOMESCIN

Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em.

1. Thành phần công thức thuốc:

Thành phần hoạt chất:

Escin 20 mg

Thành phần tá dược: Pregelatinised starch, Lactose, Magnesi stearat, Oxyd sắt đỏ, Opadry amb II (Polyvinyl alcohol, partially hydrolyzed; Talc; Titanium dioxide; Glycerol; Sodium lauryl sulfate).

2. Dạng bào chế: Viên nén bao phim

Viên nén bao phim tròn, màu hồng, hai mặt khum, cạnh và thành viên lành lặn.

3. Chỉ định

Điều trị thiếu năng tĩnh mạch mạn tính, giãn tĩnh mạch chân, viêm tĩnh mạch chân, trĩ. Phòng và điều trị tụ máu, chống viêm, chống phù nề sau phẫu thuật và chấn thương.

4. Cách dùng, liều dùng

Liều dùng:

Người lớn 2 viên/lần x 3 lần/ngày, uống sau ăn với nhiều nước. Sau 2-3 tháng điều trị có thể dùng liều duy trì 2 viên/lần x 2 lần/ngày. Với mục đích phòng ngừa nên dùng trước khi phẫu thuật ít nhất 16 tiếng.

Người lớn tuổi không cần giảm liều.

Trẻ em: Không khuyến cáo sử dụng.

Cách dùng: Dùng đường uống.

5. Chống chỉ định

Không sử dụng cho những trường hợp mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc, tuyệt đối không sử dụng cho bệnh nhân suy thận cấp. Không sử dụng cho phụ nữ có thai, đang cho con bú.

6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Trong suốt thời gian sử dụng thuốc, phải kiểm tra chức năng thận. Không nên sử dụng thuốc cho bệnh nhân có tiền sử bệnh không dung nạp galactose, thiếu hụt lapp lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Không sử dụng cho phụ nữ có thai, cho con bú.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.



9. Tương tác, tương kỵ của thuốc

Tương tác của thuốc:

Sagomescin có thể làm tăng tác dụng của các thuốc chống đông. Kháng sinh cephalosporin có thể làm tăng tác dụng của thuốc.

- Nên tránh dùng đồng thời Sagomescin với kháng sinh nhóm aminoglycosid do khả năng tăng độc tính của kháng sinh nhóm aminoglycosid trên thận.

- Với bệnh nhân đang dùng thuốc tránh thai, có thể tăng gấp đôi liều dùng Sagomescin.

Tương kỵ của thuốc: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với thuốc khác.

10. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Thường gặp ($1/100 \leq \text{ADR} < 1/10$): Rối loạn tiêu hóa.

Rất hiếm gặp ($\text{ADR} < 1/10000$): Phản ứng quá mẫn, bao gồm nổi mề đay.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc

11. Quá liều và cách xử trí

Quá liều: Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Cách xử trí: Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

12. Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: Bảo vệ mạch máu.

Mã ATC: C05AC07.

Escin có tác dụng làm giảm phù nề và chống viêm nhiễm, đồng thời đẩy mạnh trương lực thành mạch máu. Nó làm giảm khả năng thẩm thấu thành mạch máu.

Hiệu quả chống viêm nhiễm và chống phù nề đạt được là do hoạt tính enzym hyaluronidaze giảm, chất enzyme này làm tăng tính thẩm thấu thành mạch máu. Trương lực tĩnh mạch của thành mạch máu gia tăng được là do khả năng kích thích của Escin trong việc đào thải hormone của vỏ tuyến thượng thận, làm tăng khả năng sinh sản prostaglandin PGF₂₀ trên thành mạch máu, giải phóng norepinephrine ở đoạn cuối dây thần kinh cũng hiệu quả như việc chuyển hóa Escin có đặc tính tương tự như hormone ở vỏ tuyến thượng thận. Các khả năng phức hợp này giúp gia tăng áp lực tế bào cơ thành mạch máu.

13. Đặc tính dược động học

Sau khi uống, Escin được hấp thụ tốt. Nó được đào thải qua mật và nước tiểu. Escin kết hợp với protein huyết thanh một cách rộng rãi

14. Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ (Al-PVC) x 10 viên

15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc

Điều kiện bảo quản: Nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.